BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM

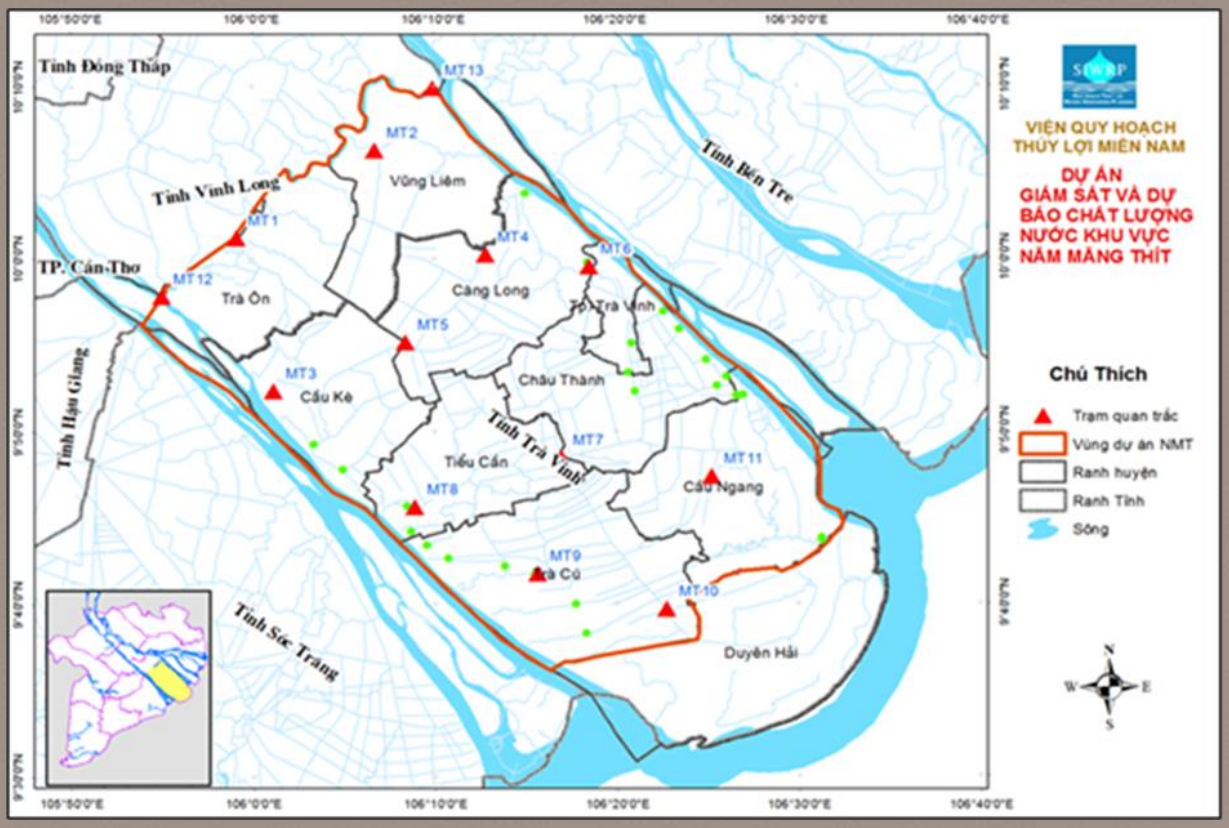

BÁO CÁO KỲ 21
ĐỢT ĐO NGÀY 28/06/2022
DỰ BÁO 08/07 – 14/07/2022

DỰ ÁN
GIÁM SÁT, DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MẰNG THÍT, PHỤC VỤ LẤY NƯỚC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Thành phố Hồ Chí Minh, 2022

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM

DỰ ÁN
GIÁM SÁT, DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MẰNG THÍT, PHỤC VỤ LẤY NƯỚC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO KỲ 21
ĐỢT ĐO NGÀY 28/06/2022
DỰ BÁO 08/07 – 14/07/2022

VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

Chủ nhiệm dự án: NGUYỄN THU HÀ

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tin chi tiết liên hệ:
Bà **Nguyễn Thu Hà** – Chủ nhiệm dự án (ĐT: 0944 117 261)
Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế – Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam

I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 28 tháng 06 năm 2022

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trục quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm dự báo được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Dự án quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:

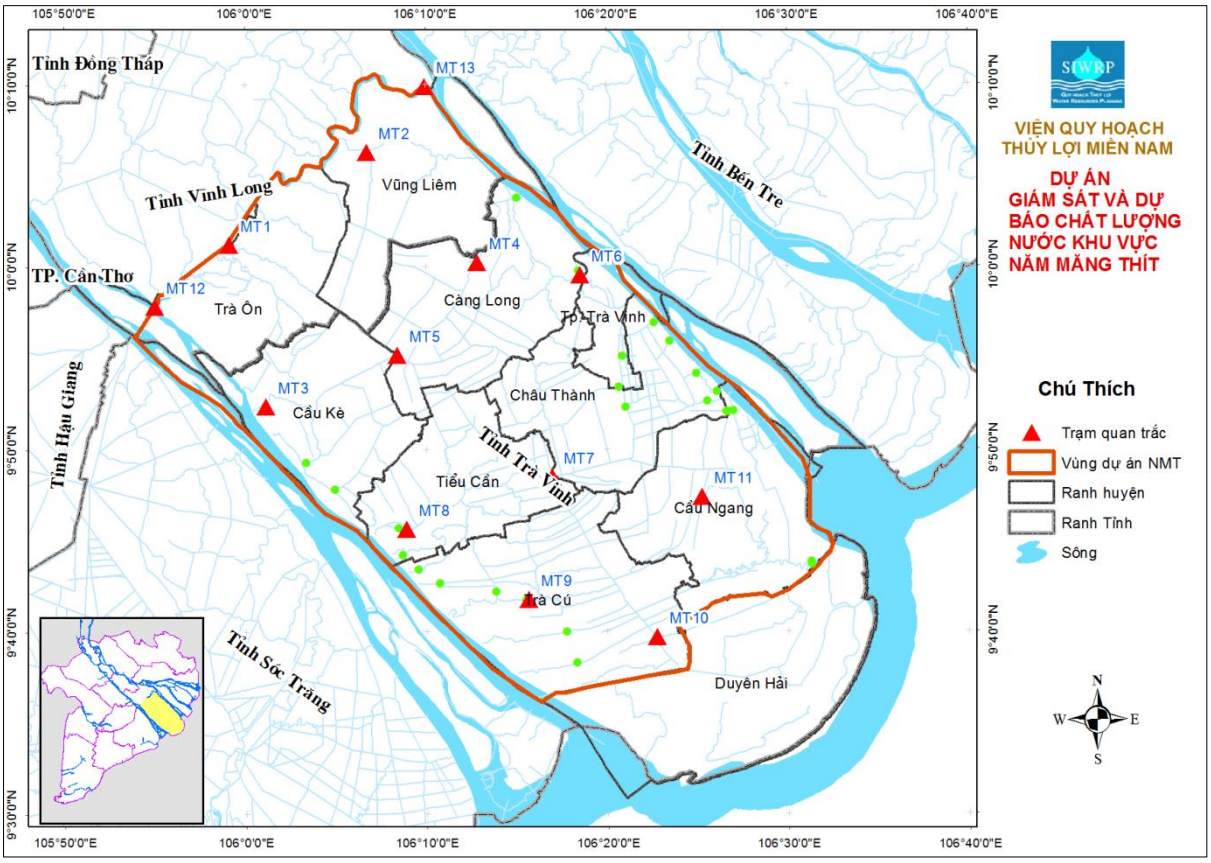

Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước định kỳ

2. Thông tin lúc lấy mẫu

Tại thời điểm lấy mẫu, vụ Hè Thu chủ yếu đang trong giai đoạn thu hoạch.

Bảng 1. Thông tin tại thời điểm lấy mẫu trong vùng dự án

TT	Kí hiệu	Tên	Đặc điểm lúc lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
1	MT1	Măng Thít	Trời mát, chuyển mưa, nước lớn	-	Lúa đã cắt
2	MT2	Bưng Trường	Trời nắng, có một ít lục bình trôi trên kênh, nước hơi đục, nước lớn	-	Lúa xạ được 20-30 ngày
3	MT3	Cầu Kè	Trời mát, chuyển mưa, nước hơi đục, nước ròng	Mở cống	Lúa đã cắt

TT	Kí hiệu	Tên	Đặc điểm lúc lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
4	MT4	Càng Long	Trời nắng nhẹ, chuyển mưa, nước hơi đục, dòng chảy yếu, nước lớn	-	Lúa đã cắt
5	MT5	Trà Ốp	Trời nắng, gió nhẹ, một ít lục bình trôi trên kênh, nước lớn	-	Lúa xạ được 20-30 ngày
6	MT6	Láng Thé	Trời mát, chuyển mưa, có một ít lục bỉnh trên kênh, nước hơi đục, nước ròng, nước còn cao	Mở cống	-
7	MT7	Cần Chông	Trời mát, có một ít lục bình trôi trên kênh, nước lớn	-	Lúa xạ được 20-30 ngày
8	MT8	Cầu Quan	Trời chuyển mưa, nước hơi đục, nước ròng mạnh	Mở cống	Lúa đã cắt
9	MT9	Trà Cú	Trời nắng nhẹ, nước hơi đục, không thuyền bè, nước chảy xiết, nước lớn	Mở cống	-
10	MT10	La Ban	Trời nắng nhẹ, có nhiều lục bình 2 bên bờ kênh, nước lớn	Đóng cống	Lúa xạ được 20-30 ngày
11	MT11	Cầu Ngang	Trời nắng nhẹ, chuyển mưa, lục bình đầy trên mặt kênh, bên cạnh có hộ nuôi bò, nước lớn	Đóng cống	Lúa đã cắt
12	MT12	Trà Ôn	Trời mát, chuyển mưa, nước ròng	-	Lúa đã cắt
13	MT13	Phà Măng Thít	Trời nắng nhẹ, nước lớn	-	Lúa xạ được 20-30 ngày

3. Kết quả đo đạc

a. Độ pH

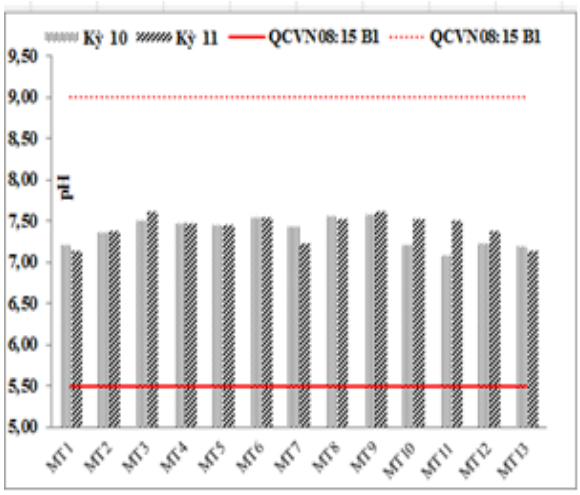

Hình 2. Giá trị pH tại các vị trí quan trắc

Độ pH tại các vị trí quan trắc dao động từ 7,15 đến 7,63; tất cả các vị trí đều có giá trị pH nằm trong giới hạn cho phép nguồn nước mặt B1 theo CVN 08:2015/BTNMT. Tất cả giá trị pH không thay đổi đáng kể so với kỳ trước.

b. Độ mặn (Cl^-)

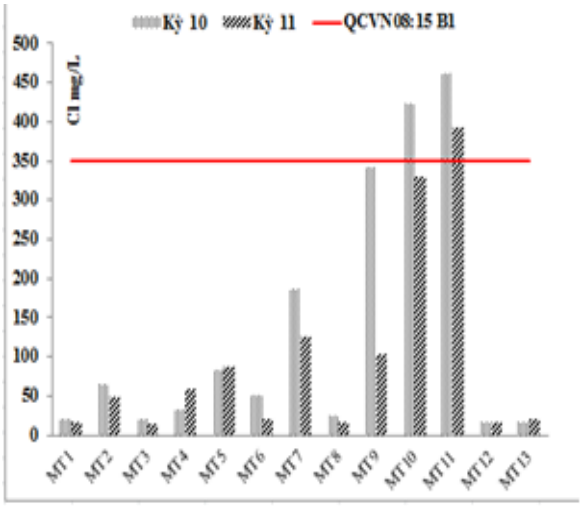

Hình 3. Giá trị Cl^- tại các vị trí quan trắc

Hàm lượng Cl^-, đặc trưng cho độ mặn của nước, dao động trong khoảng từ 14,1 đến 393 mg/L (tương đương với độ mặn là 0,8 g/L). Hai vị trí gần cống MT10 và MT11 đều giảm, tuy nhiên MT11 vẫn vượt GHCP cột B1 theo QCVN08:15 và MT10 đạt B1 vào kỳ này.

c. TSS

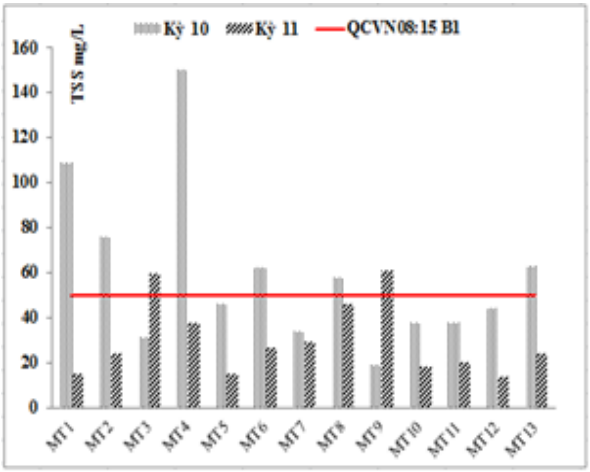

Hình 4. Giá trị TSS tại các vị trí quan trắc

Giá trị tổng chất rắn lơ lửng (TSS) dao động trong khoảng từ 14 đến 61 mg/L, có 2/13 vị trí vượt GHCP cột B1 theo QCVN08:15. Trong kỳ này, MT3 và MT9 tăng và vượt GHCP; MT1, MT2, MT4, MT6, MT8, MT13 đều giảm đạt B1. Nhìn chung, TSS giảm vào kỳ 11 so với kỳ 10.

d. Chỉ số SAR

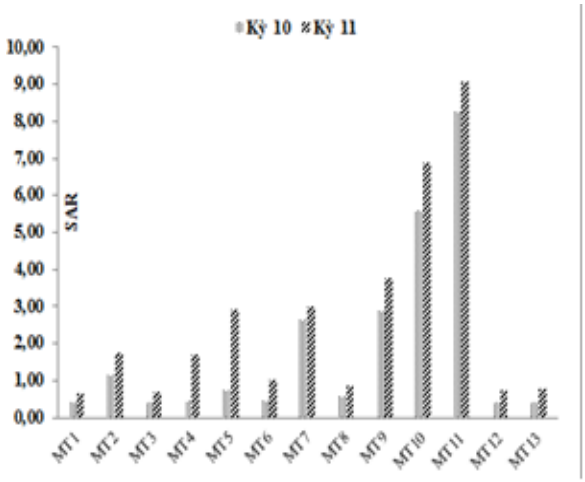

Hình 5. Giá trị SAR tại các vị trí quan trắc

Dựa trên kết quả đo đạc hàm lượng các ion Na, Ca, Mg, tính được giá trị tỉ số hấp phụ Natri (SAR) cho thấy SAR dao động trong khoảng từ 0,70 đến 9,08. Nhìn chung, kỳ 11 có chỉ số SAR tăng tại tất cả vị trí so với kỳ 10. Chỉ số SAR tại vị trí gần cống MT11 tăng và lớn hơn 9 nên đối với nguồn nước gần MT11 không thích hợp cho tưới tiêu do có thể phá hủy đất nghiêm trọng.Vị trí MT10 có SAR tăng và cao hơn ngưỡng cảnh báo nguy hại là 6 nên cần phải xử lý nguồn nước tại đây trước khi dùng cho tưới tiêu.

e. Ô nhiễm hữu cơ (BOD_5, COD, DO)

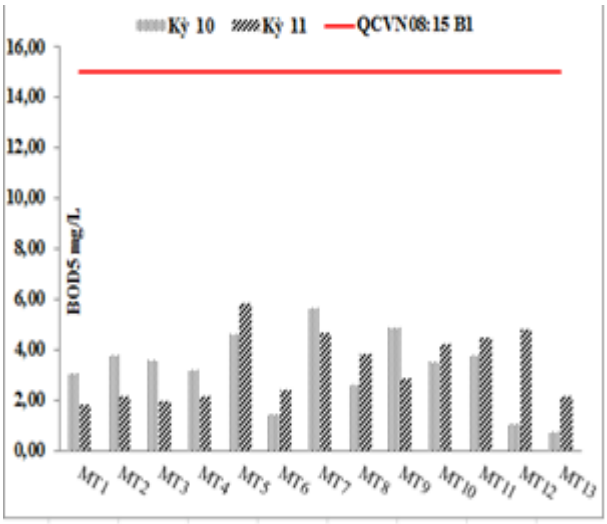 Hình 6. Giá trị BOD_5 tại các vị trí quan trắc	Thành phần nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5) của các mẫu nước nằm trong khoảng từ 1,84 đến 5,87 mg/L. Hàm lượng các chất hữu cơ đều thấp hơn QCVN 08:2015-B1/BTNMT. Nhìn chung, trong kỳ 11, nhiều vị trí có BOD_5 không có xu hướng nhất định so với kỳ 10.
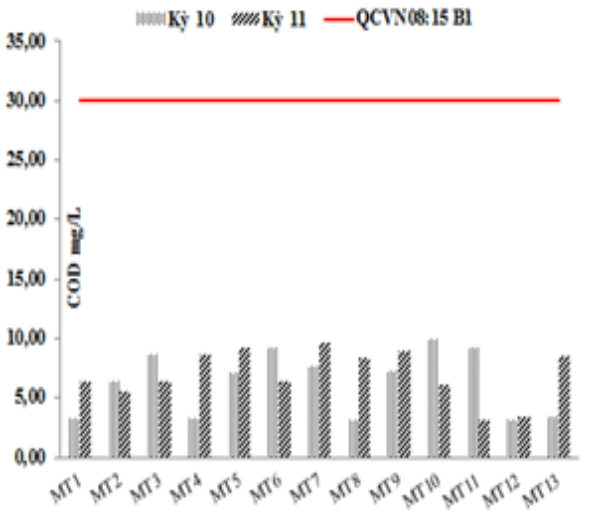 Hình 7. Giá trị COD tại các vị trí quan trắc	Thành phần nhu cầu ôxy hóa học (COD) của các mẫu nước nằm trong khoảng từ 3,13 đến 8,98 mg/L, đều thấp hơn QCVN 08:2015-B1/BTNMT. Nhìn chung, kỳ 11 có nhiều vị trí có COD cao hơn kỳ 10 trừ MT2, MT3, MT6, MT10 và MT11 thấp hơn.
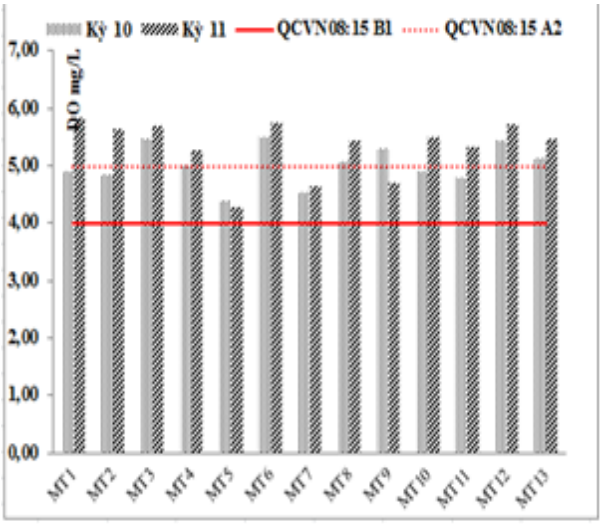 Hình 8. Giá trị DO tại các vị trí quan trắc	Hàm lượng DO có giá trị biến thiên trong khoảng từ 4,29 đến 5,83 mg/L. Tất cả trí đều đạt QCVN08 cột B1 (lớn hơn hoặc bằng 4) hoặc A2 (lớn hơn hoặc bằng 5).

f. Ô nhiễm dinh dưỡng (NH_4^+, NO_2^-, NO_3^-, PO_4^{3-})

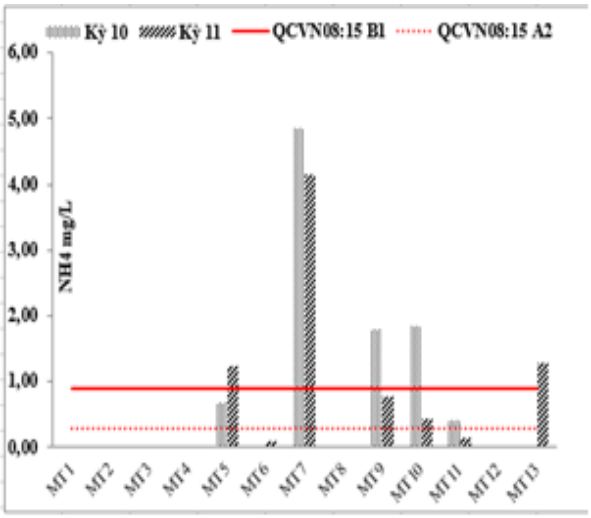 Hình 9. Giá trị NH_4^+ tại các vị trí quan trắc	Hàm lượng amoni (NH_4^+ tính theo N) dao động trong khoảng từ 0,00 đến 4,14 mg/L. Có 3/13 vị trí vượt GHCP cột B1 và 2/13 vị trí vượt GHCP cột A2. Trong kỳ này, vị trí MT5 và MT13 tăng và vượt GHCP cột B1; vị trí MT7 (4,14 mg/L) giảm nhưng vẫn cao hơn GHCP cột B1; hai vị MT9 và MT10 giảm và đạt B1.
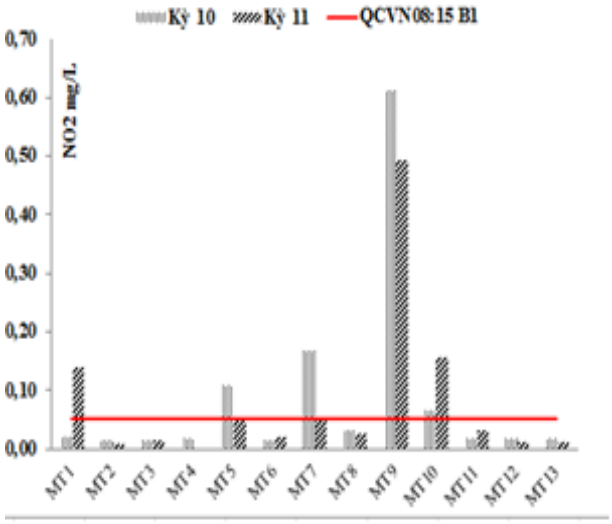 Hình 10. Giá trị NO_2^- tại các vị trí quan trắc	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) dao động trong khoảng từ 0,01 đến 0,49 mg/l. Có 3/13 vị trí cao hơn GHCP theo QCVN 08:2015-A2/B1. Trong kỳ 11, vị trí MT1 tăng và vượt A2/B1; MT10 tăng và tiếp tục vượt GHCP; MT9 giảm nhưng vẫn vượt GHCP; hai vị trí MT5 và MT7 giảm và đạt GHCP.
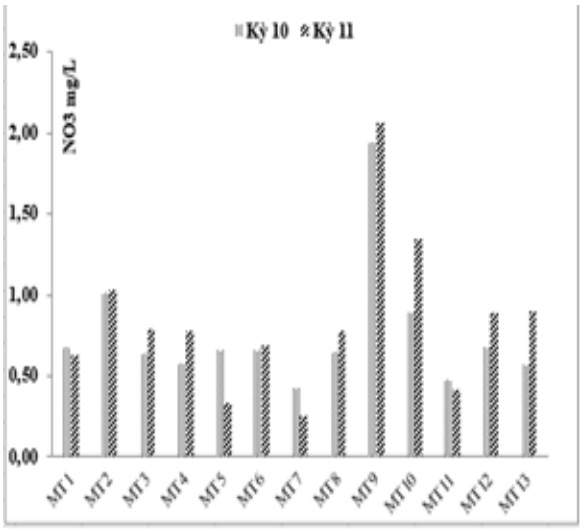 Hình 11. Giá trị NO_3^- tại các vị trí quan trắc	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) tại các vị trí nằm trong khoảng từ 0,25 đến 2,06 mg/L. Các vị trí quan trắc đều có giá trị đo thấp GHCP theo QCVN 08:2015-A2 (5mg/L). Nhìn chung, kỳ 11 có nhiều vị trí có giá trị NO_3^- cao hơn kỳ 10, trừ MT1, MT5, MT7 và MT11 thấp hơn.

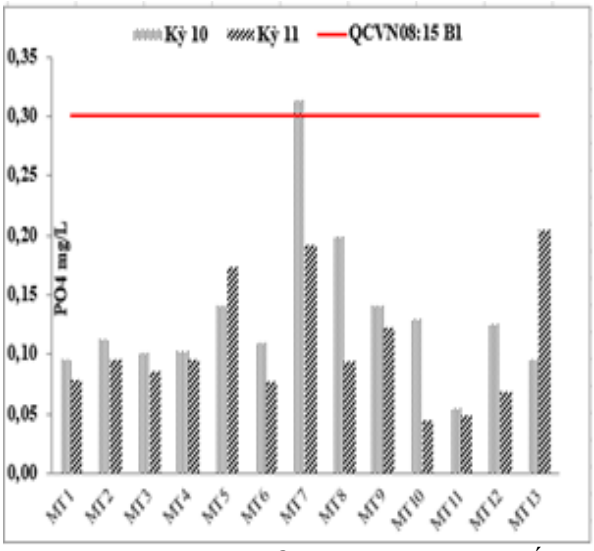 Hình 12. Giá trị PO_4^{3-} tại các vị trí quan trắc	Thành phần phosphat (PO_4^{3-} tính theo P) của các mẫu nước đều rất thấp, nằm trong khoảng từ 0,05 đến 0,21 mg/L. Vị trí MT7 giảm và đạt GHCP cột B1 theo QCVN08:2015. Kỳ 11 có nhiều vị trí có phosphat thấp hơn kỳ trước, trừ MT5 và MT13 cao hơn.

g. Ô nhiễm vi sinh

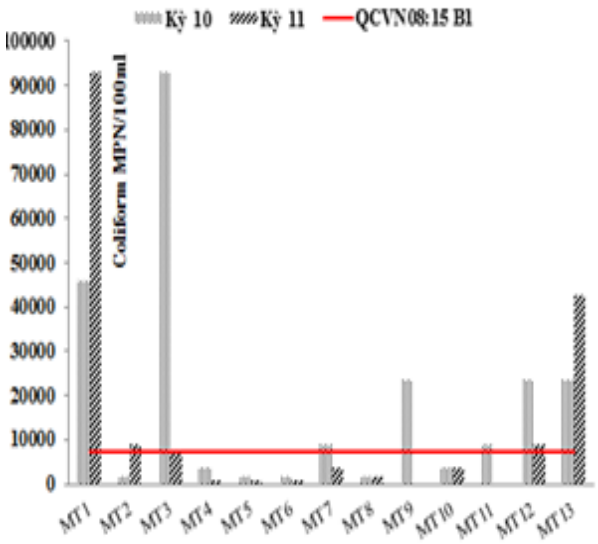 Hình 13. Coliform tại các vị trí quan trắc	Hàm lượng Coliform dao động trong khoảng từ 93 -93000 MNP/100ml. 4/13 vị trí có coliform cao hơn GHCP cột B1 theo QCVN08:15. Trong kỳ 11, vị trí MT1 tiếp tục tăng nhiều và vẫn vượt GHCP cột B1; hai vị trí MT2 và MT13 tăng và vượt B1; MT12 giảm nhưng vẫn vượt B1; các vị trí MT3, MT7, MT9, và MT11 đều giảm và đạt B1.

h. Kết quả tính WQI

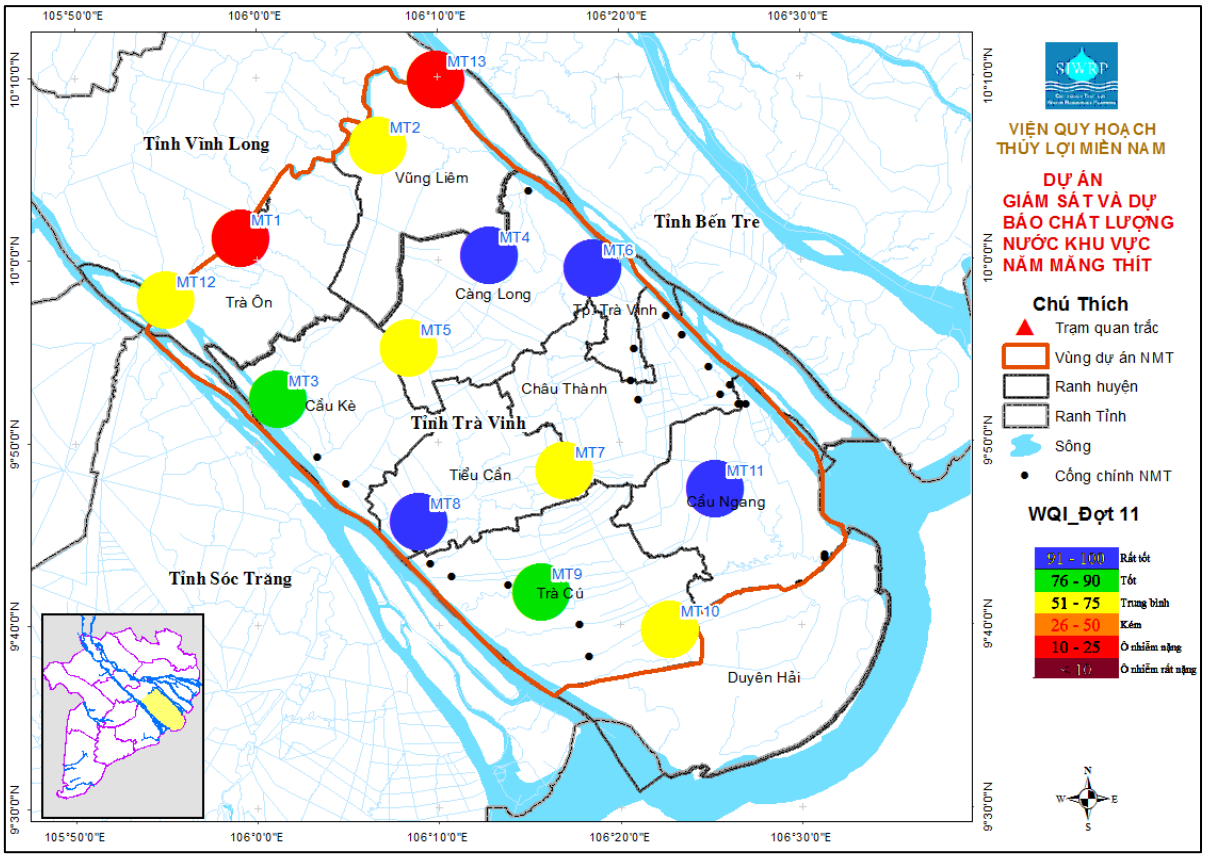

Hình 14. Giá trị WQI chất lượng nước vùng Nam Măng Thít ngày 28/06/2022

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 08/07/2022 đến ngày 14/07/2022

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong các ngày tới

Về diễn biến thủy văn thượng nguồn đồng bằng sông Cửu Long, theo nguồn số liệu từ Ủy hội sông Mê Công quốc tế (MRC):

- Diễn biến mực nước dự báo trong tuần tới (08/07 – 14/07) trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie có xu thế tăng đến ngày 14/07 với cường suất trung bình 10,4 cm/ngày. Đến ngày 14/07, mực nước tại trạm Kratie là 12,23 m, thấp hơn 1,81 m so với TBNN (14,04 m), xem Hình 15.

- Diễn biến mực nước dự báo trong tuần tới (08/07 – 14/07) trên sông chính tại các trạm Tân Châu và Châu Đốc có xu thế tăng với cường suất trung bình dao động từ 8,4 đến 10,4 cm/ngày. Đến ngày 14/07, mực nước tại trạm Tân Châu là 0,93 m, thấp hơn 0,68 m so với TBNN (1,61 m); tại trạm Châu Đốc là 0,7 m, thấp hơn 0,6 m so với TBNN (1,3 m), xem Hình 16 và Hình 17.

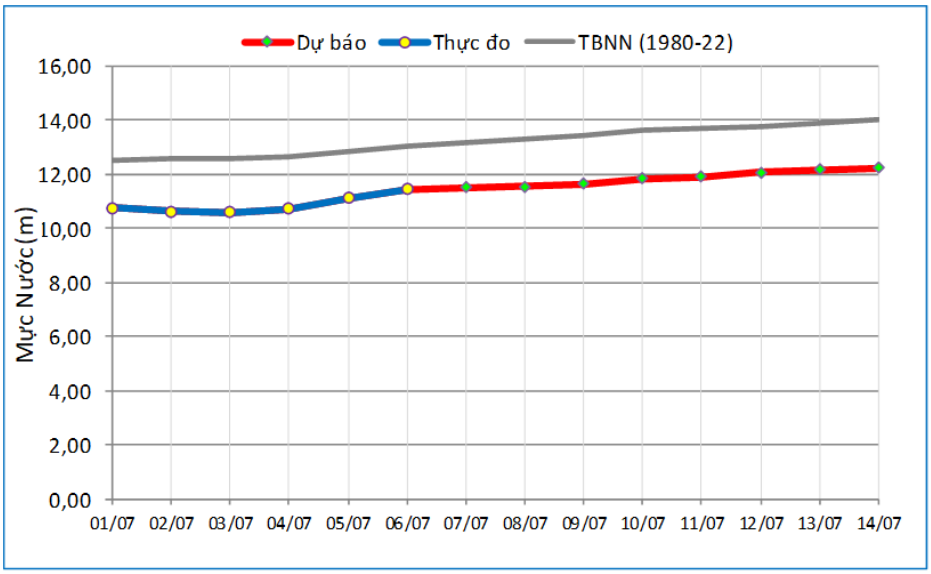

Hình 15. Mực nước thực đo và dự báo (7 giờ) tại trạm Kratie đến ngày 14/07/2022

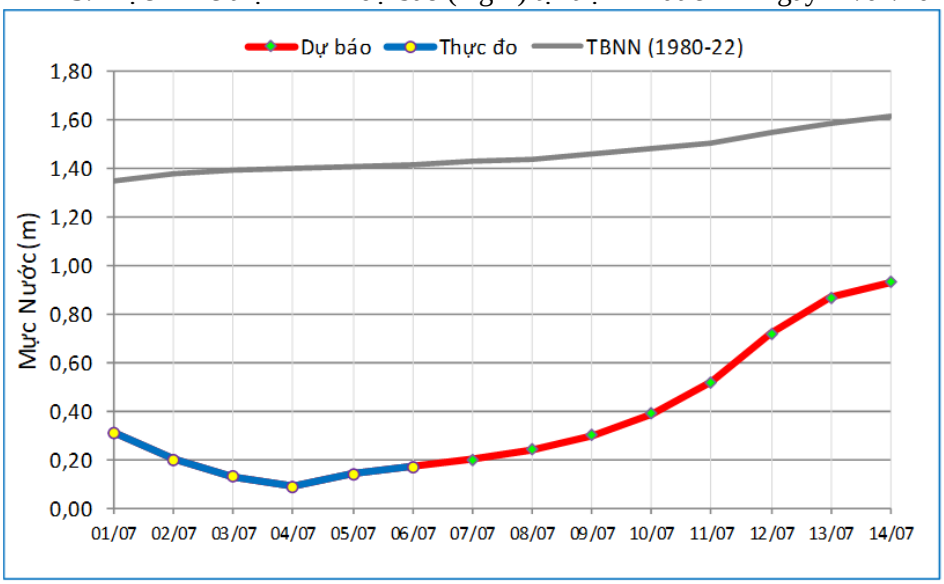

Hình 16. Mực nước dự báo (7 giờ) tại trạm Tân Châu đến ngày 14/07/2022

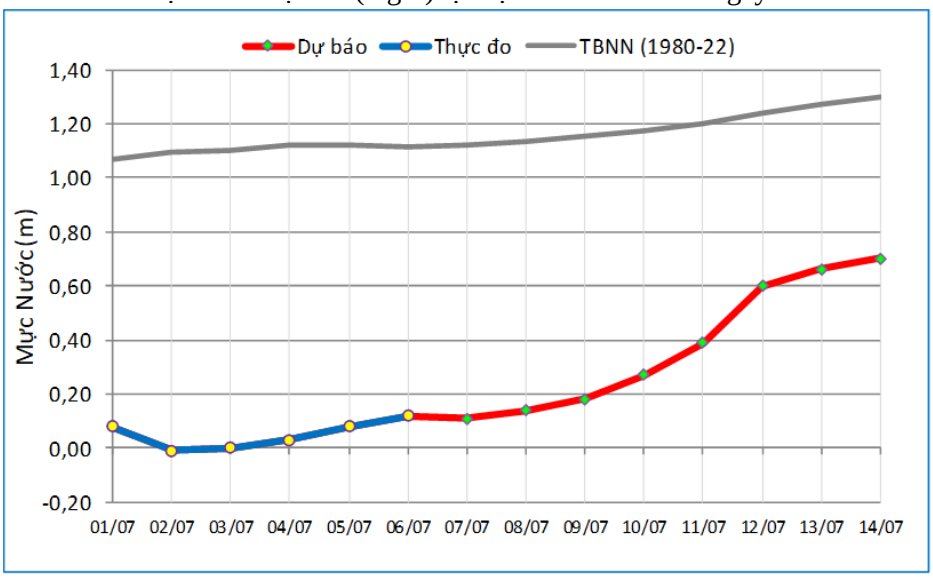

Hình 17. Mực nước dự báo (7 giờ) tại trạm Châu Đốc đến ngày 14/07/2022

Về diễn biến thủy văn vùng Nam Măng Thít, mực nước dự báo trong kỳ biến đổi từ -1,25 m đến 1,36 m và có xu thế tăng dần từ sông chính vào nội đồng. Dự báo thời gian tới là thời gian triều tăng, chính vì vậy mực nước khu vực dự báo có xu thế tăng, xem Hình 18.

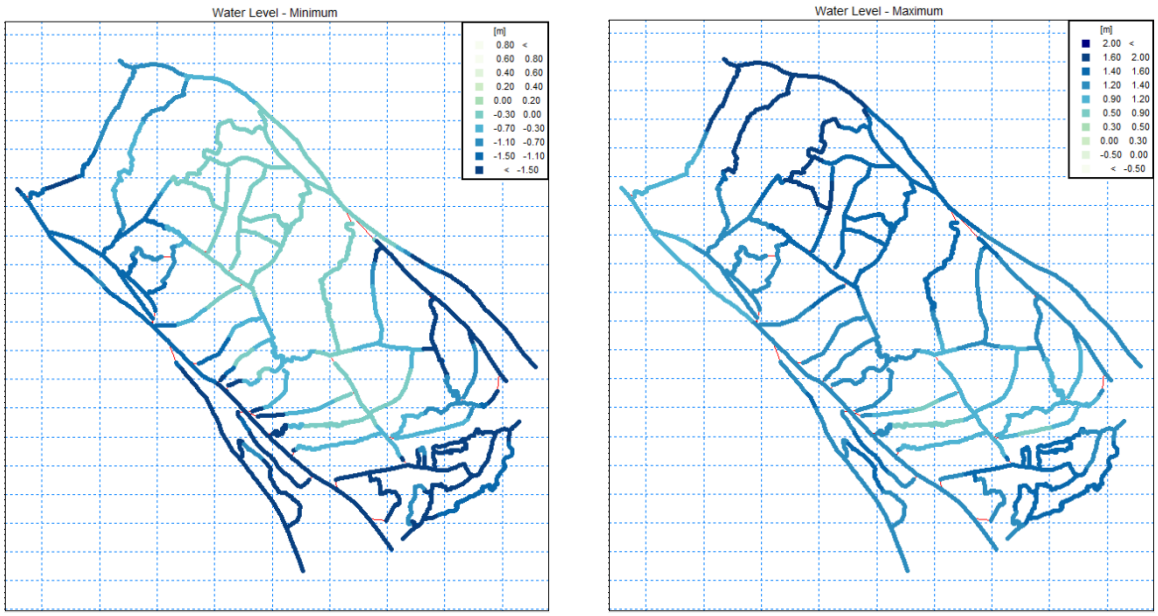

Hình 18. Diễn biến mực nước nhỏ nhất, và lớn nhất vùng dự án NMT trong kỳ dự báo

Tình hình mùa vụ trong vùng Nam Măng Thít, đến thời điểm hiện nay (07/07/2022), vụ Hè Thu đã xuống giống được 79.594 ha, đạt khoảng 93,15% so với kế hoạch, thu hoạch được 3.551 ha, năng suất khoảng 6 tấn/ha.

2. Dự báo hàm lượng ô nhiễm hữu cơ trong các ngày tới

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 08/07/2022 đến ngày 14/07/2022 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

a. Chỉ tiêu DO

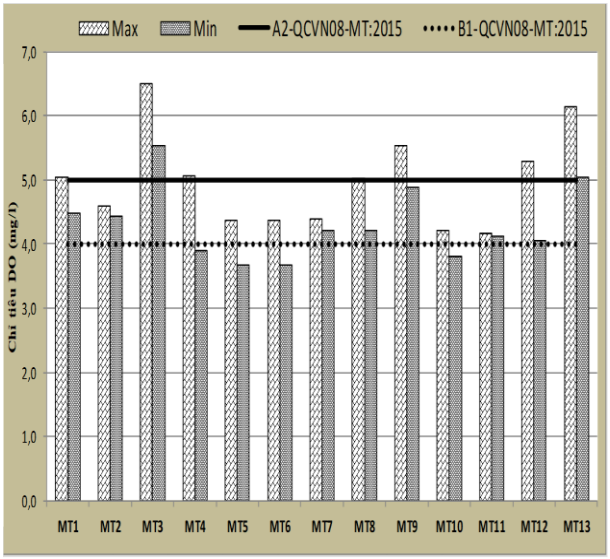

Hình 19. Giá trị DO dự báo

Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu DO trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 3,7 mg/l đến 6,5 mg/l. Các vị trí ở phía đầu nguồn như MT1, MT3, MT12, MT13 gần sông Măng Thít có giá trị DO đều đạt ngưỡng A2/B1 trong QCVN 08-MT:2015, ngoại trừ vị trí MT2 có giá trị chỉ đạt ngưỡng B1. Các vị trí giáp nước cuối nguồn và các vị trí sau cống như các điểm MT4, MT5, MT6, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11 thì giá trị DO thấp hơn nhưng hầu hết đều đạt ngưỡng B1 trong QCVN 08-MT:2015, trừ MT4, MT8, MT9 đạt ngưỡng A2.

Bảng 2. Kết quả dự báo thông số DO các trạm đến ngày 14/07/2022

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	08/07	09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07
1	MT1	4,71	4,58	4,49	4,64	4,81	4,95	5,03
2	MT2	4,59	4,50	4,44	4,45	4,52	4,59	4,47
3	MT3	6,50	6,42	6,18	5,83	5,58	5,54	6,10
4	MT4	4,14	3,98	3,90	4,01	4,37	4,85	5,07
5	MT5	4,17	3,96	3,67	3,82	4,01	4,30	4,36
6	MT6	4,19	3,98	3,68	3,83	4,02	4,32	4,37
7	MT7	4,36	4,40	4,31	4,30	4,33	4,37	4,21
8	MT8	4,38	4,22	4,20	4,25	4,48	4,72	5,02
9	MT9	4,88	4,89	4,98	5,11	5,23	5,54	5,37
10	MT10	4,12	4,06	3,89	3,81	4,03	4,13	4,21
11	MT11	4,14	4,13	4,14	4,15	4,13	4,17	4,15
12	MT12	4,70	4,22	4,05	4,54	4,95	5,29	4,66
13	MT13	5,12	5,04	5,11	5,14	5,43	5,74	6,13

b. Chỉ tiêu BOD_5

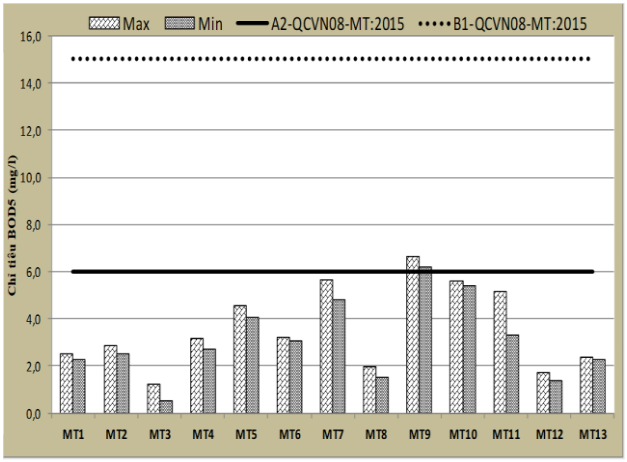

Hình 20. Giá trị BOD_5 dự báo

Dự báo BOD_5 trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 0,5 mg/l đến 6,7 mg/l. Các giá trị dự báo đều thấp hơn so với ngưỡng A2 trong QCVN 08-MT:2015, ngoại trừ MT9 vượt ngưỡng A2.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số BOD_5 các trạm đến ngày 14/07/2022

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	08/07	09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07
1	MT1	2,50	2,49	2,46	2,42	2,34	2,28	2,29
2	MT2	2,85	2,85	2,80	2,69	2,57	2,53	2,52
3	MT3	0,72	0,60	0,54	0,54	0,66	1,02	1,20
4	MT4	2,71	2,87	3,10	3,16	3,03	2,92	2,81
5	MT5	4,13	4,08	4,48	4,54	4,29	4,19	4,39
6	MT6	3,14	3,17	3,19	3,19	3,15	3,11	3,07
7	MT7	5,58	5,67	5,57	4,94	5,31	4,94	4,78
8	MT8	1,96	1,88	1,75	1,68	1,59	1,54	1,73
9	MT9	6,38	6,36	6,48	6,64	6,66	6,53	6,18
10	MT10	5,56	5,61	5,62	5,62	5,57	5,48	5,42
11	MT11	4,28	5,14	4,97	4,40	4,01	3,65	3,32
12	MT12	1,71	1,74	1,57	1,43	1,39	1,48	1,57
13	MT13	2,39	2,39	2,36	2,27	2,25	2,25	2,31

c. Chỉ tiêu COD

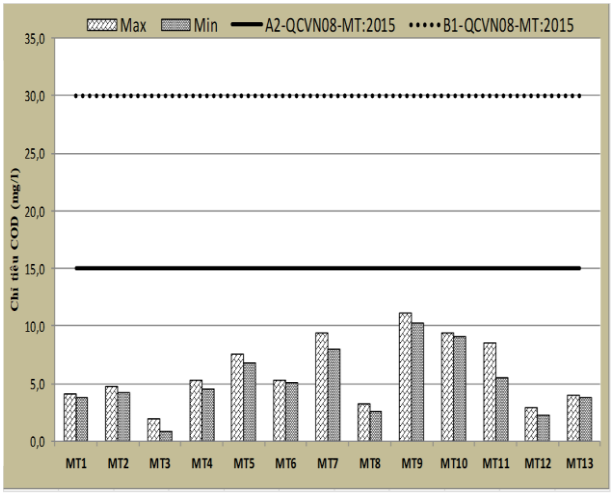

Hình 21. Giá trị COD dự báo

Chỉ tiêu COD có xu thế tương đồng với BOD5, giá trị biến đổi từ 0,9 mg/l đến 11,1 mg/l. Khi so sánh với ngưỡng A2 trong QCVN 08-MT:2015, giá trị dự báo trong 7 ngày tiếp theo đều thấp hơn.

Bảng 4. Kết quả dự báo thông số COD các trạm đến ngày 14/07/2022

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	08/07	09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07
1	MT1	4,16	4,14	4,10	4,03	3,90	3,79	3,82
2	MT2	4,76	4,75	4,67	4,48	4,29	4,21	4,19
3	MT3	1,20	1,00	0,90	0,90	1,10	1,70	2,00
4	MT4	4,52	4,78	5,17	5,26	5,05	4,86	4,68
5	MT5	6,88	6,79	7,46	7,56	7,15	6,98	7,32
6	MT6	5,23	5,28	5,31	5,31	5,26	5,18	5,12
7	MT7	9,30	9,45	9,28	8,23	8,85	8,23	7,97
8	MT8	3,26	3,13	2,92	2,81	2,65	2,57	2,89
9	MT9	10,63	10,61	10,80	11,07	11,10	10,88	10,30
10	MT10	9,27	9,34	9,37	9,37	9,28	9,14	9,03
11	MT11	7,13	8,57	8,28	7,33	6,68	6,09	5,53
12	MT12	2,85	2,89	2,61	2,39	2,32	2,46	2,62
13	MT13	3,98	3,98	3,93	3,78	3,75	3,75	3,85

d. Chỉ tiêu NH_4^+

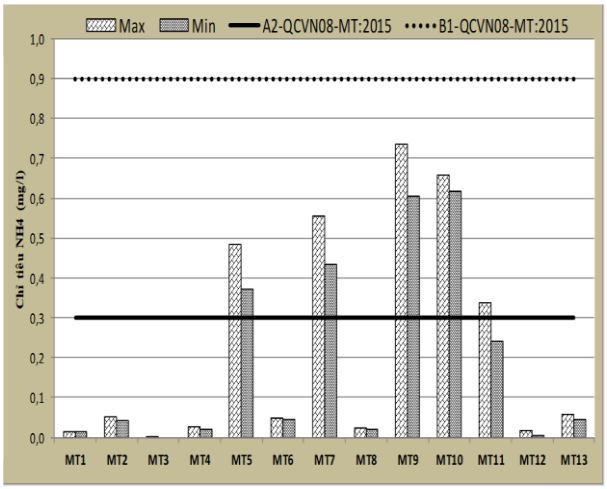

Hình 22. Giá trị NH_4^+ dự báo

Giá trị NH_4^+ dự báo biến đổi từ 0,000 mg/l đến 0,735 mg/l. Các giá trị dự báo đều ở mức thấp hơn ngưỡng A2 theo QCVN 08-MT:2015, ngoại trừ MT5, MT7, MT9, MT10 và MT11 có giá trị vượt ngưỡng A2.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số NH4 các trạm đến ngày 14/07/2022

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	08/07	09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07
1	MT1	0,015	0,015	0,015	0,015	0,014	0,013	0,013
2	MT2	0,051	0,051	0,050	0,047	0,045	0,042	0,042
3	MT3	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,001	0,001
4	MT4	0,021	0,023	0,028	0,028	0,026	0,026	0,024
5	MT5	0,430	0,424	0,484	0,416	0,388	0,373	0,412
6	MT6	0,044	0,045	0,046	0,047	0,047	0,047	0,046
7	MT7	0,518	0,540	0,555	0,467	0,480	0,443	0,435
8	MT8	0,025	0,024	0,023	0,022	0,020	0,019	0,022
9	MT9	0,735	0,725	0,691	0,675	0,676	0,661	0,605
10	MT10	0,649	0,657	0,657	0,656	0,644	0,620	0,616
11	MT11	0,296	0,336	0,328	0,296	0,272	0,248	0,240
12	MT12	0,006	0,006	0,005	0,005	0,005	0,005	0,016
13	MT13	0,050	0,049	0,049	0,047	0,047	0,046	0,058

3. Lan truyền ô nhiễm hữu cơ theo không gian trong vùng dự án

Từ kết quả mô hình dự báo chất lượng nước (xem Hình 23), cho thấy các yếu tố gây ô nhiễm nguồn nước gồm NH_4^+ và BOD_5 có giá trị thấp ở khu vực đầu nguồn và ven sông chính. Giá trị NH_4^+ và BOD_5 cao ở các khu vực nội đồng phía trong các cống và các vị trí cuối nguồn.

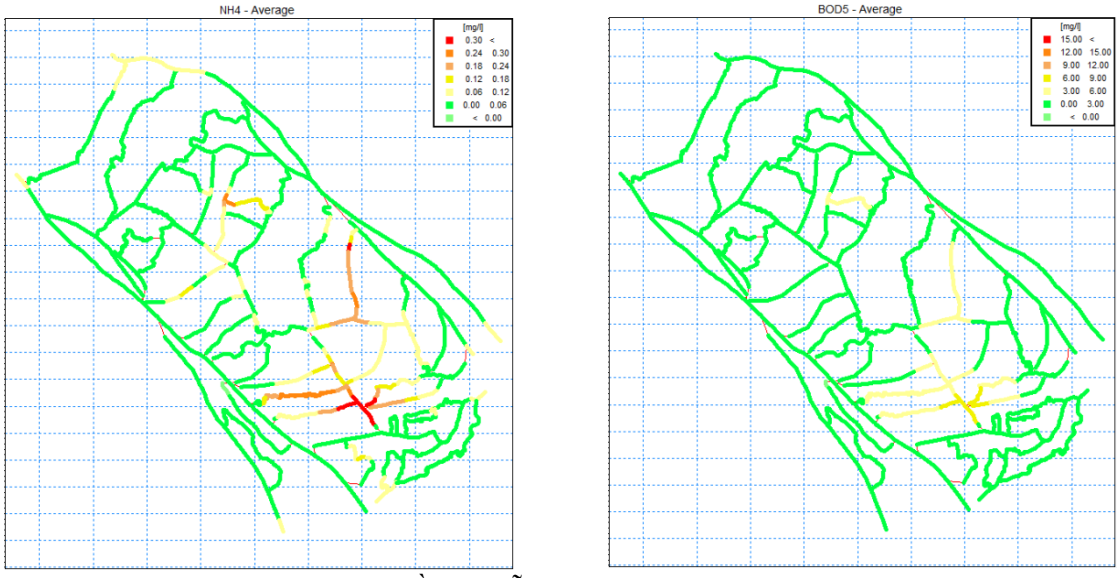

Hình 23. Lan truyền ô nhiễm NH_4^+ và BOD_5 trong kỳ dự báo

III. Kết luận và kiến nghị

Kết quả quan trắc cho thấy ô nhiễm vẫn xảy ra đối với thành phần dinh dưỡng nitrit (NO_2^-) do số lượng vị trí có nitrit cao hơn GHCP đã giảm so với kỳ trước, từ 4 xuống 3 vị trí. Các vị trí vượt GHCP cột B1 của QCVN08 gồm: MT1 tăng và vượt A2/B1; MT10 tăng và tiếp tục vượt GHCP; MT9 giảm nhưng vẫn vượt GHCP. Hàm lượng Amoni tại vị trí MT5 và MT13 tăng và vượt GHCP cột B1; vị trí MT7 (4,14 mg/L) tuy giảm nhưng vẫn cao hơn GHCP cột B1. Vì vậy, khuyến cáo làm tăng lưu lượng dòng chảy để tăng DO giúp oxy hóa amoni thành nitrat. Ngoài ra, khuyến cáo địa phương lưu ý khi sử dụng

nước tại khu vực trên để tránh tác động xấu, có thể tiến hành sục khí nếu cung cấp cho nuôi trồng thủy sản, nhất là vùng nuôi tôm.

TSS tại 2/13 vị trí tăng và vượt GHCP cột B1, cụ thể là MT3 và MT9 tăng và vượt GHCP. MT1, MT2, MT4, MT6, MT8, MT13 đều giảm đạt B1. Đây là sự cải thiện tốt so với kỳ trước nên cân tiếp tục duy trì.

Cần lưu ý sự gia tăng clorua tại vị trí quan trắc gần cống, cụ thể MT11 tuy giảm nhưng vẫn còn vượt GHCP (tương đương độ mặn là 0,8g/L), vị trí MT10 đã giảm và đạt GHCP (tương đương độ mặn là 0,6 g/L).

Hai vị trí MT1 và MT10 có chỉ số SAR cao hơn ngưỡng cảnh báo nguy hại là 6, đặc biệt MT11 có chỉ số SAR > 9 không thích hợp cho tưới tiêu vì có thể phá hủy đất nghiêm trọng. Khuyến cáo xử lý nguồn nước tại MT10 trước khi dùng cho tưới tiêu.

Kết quả tính toán WQI cho thấy vị trí MT3, MT9 và MT11 lên mức tốt và rất tốt do coliform giảm nhiều và đạt GHCP; MT4 lên mức rất tốt từ mức tốt vì coliform tiếp tục giảm; MT12 từ mức ô nhiễm lên mức trung bình do coliform giảm nhưng vẫn còn xấp xỉ GHCP; MT7 từ mức kém lên trung bình vì coliform giảm và đạt GHCP, nhưng hàm lượng amoni tại đây vẫn cao và vượt GHCP; MT2 giảm xuống mức trung bình do coliform tăng và vượt GHCP; MT5 cũng xuống mức trung bình khi amoni tại vị trí này tăng và vượt GHCP.

Kết quả dự báo chất lượng nước nhìn chung khi xem xét các yếu tố vẫn đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu. Tuy nhiên, địa phương cần lưu ý một số khu vực trung tâm và sau các cống do ảnh hưởng của giáp triều và nước bị ứ động dẫn đến chất lượng nước xấu đi, đặc biệt tại vị trí MT7, MT9, và MT10.

Chính quyền địa phương cần khuyến cáo các hộ nuôi thủy sản ở vùng ngập mặn, ven biển thuộc 4 huyện: Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú và Châu Thành cần xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường và theo dõi tình trạng dịch bệnh của thủy sản.

Các địa phương cần theo dõi các kết quả giám sát, dự báo chất lượng nước hàng tuần để chủ động trong công tác kiểm soát dịch bệnh do ô nhiễm nguồn nước gây ra.

IV. IV. Nguồn tài liệu tham khảo

[1]. Báo cáo tổng kết công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vũng Liêm, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long năm 2021 và định hướng kế hoạch năm 2022.

[2]. Báo cáo tổng kết nông nghiệp năm 2020 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2022 của tỉnh Trà Vinh.

[3]. Lịch gieo trồng và kế hoạch gieo trồng năm 2021 – 2022 của các tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh.

[4]. Lịch vận hành công trình năm 2021 – 2022 của tỉnh Trà Vinh.

SIWRP

QUY HOẠCH THUỶ LỢI
WATER RESOURCES PLANNING

Viện Quy hoạch
Thủy lợi Miền Nam

Tầm nhìn:

Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam luôn phấn đấu không ngừng về khoa học, công nghệ, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với ngành nước trên nền tảng kinh tế, kỹ thuật, môi trường và an sinh xã hội.

Sứ mạng:

Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam là đơn vị chuyên ngành về quy hoạch thủy lợi, với chức năng nghiên cứu lập quy hoạch thủy lợi nhằm điều hòa, sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nước, môi trường nước phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phía Nam.

BÁO CÁO KỲ 21
ĐỢT ĐO NGÀY 28/06/2022
DỰ BÁO 08/07 – 14/07/2022

Địa chỉ liên hệ:

Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam
271/3, An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38 350 850 Fax: (84-8) 3835 1721
E-mail: siwarp@hcm.fpt.vn

SIWRP
QUY HOẠCH THUỶ LỢI
WATER RESOURCES PLANNING